

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần : LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG (General Logic)

- Mã số học phần : ML007
- Số tín chỉ học phần : 2 tín chỉ
- Số tiết học phần : 30 tiết lý thuyết

### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
- Khoa : Khoa Khoa học chính trị.

### 3. Điều kiện tiên quyết: Không

### 4. Mục tiêu của học phần:

- 4.1. **Kiến thức:** Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của logic hình thức, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học, các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học, các quy luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong việc hình thành, rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, trình bày vấn đề một cách khoa học. Giúp sinh viên nắm vững nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dung.
- 4.2. **Kỹ năng:** vận dụng thành thạo các quy luật và các hình thức logic của tư duy, tránh sai lầm trong việc suy nghĩ, phân tích, tổng hợp và trình bày vấn đề. Hình thành những kỹ năng như giao tiếp, ứng xử; đàm phán và thuyết trình, phản biện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, óc sáng tạo, khám phá, học tập suốt đời.
- 4.3. **Thái độ:** Người học có thái độ tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi thuyết trình có sự nhìn nhận đúng đắn, khách quan về các vấn đề thuộc về tư duy.

### 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giới thiệu những tri thức cơ bản của logic hình thức

### 6. Cấu trúc nội dung học phần:

#### 6.1. Lý thuyết

|                  | Nội dung  | Số tiết | Mục tiêu      |
|------------------|---|---------|---------------|
| <b>Chương 1.</b> | <b>Đối tượng, lịch sử phát triển và ý nghĩa của logic học</b> | 3       |               |
| 1.1.             | Thuật ngữ Logic.  |         | 4.1; 4.2; 4.3 |
| 1.2.             | Logic học là gì ?   |         |               |
| 1.3.             | Đối tượng nghiên cứu của Logic học.                           |         |               |
| 1.4.             | Logic hình thức và Logic biện chứng.                          |         |               |
|                  | Lịch sử phát triển của Logic học.                             |         |               |
| 1.5.             | Ý nghĩa của việc nghiên cứu Logic học.                        |         |               |

|  |   |               |  |
|--|---|---------------|--|
| 1.6.   |   |               |  |
| <b>Chương 2. KHÁI NIỆM</b>                             | 7 | 4.1; 4.2; 4.3 |  |
| 2.1. Khái niệm là gì?                                  |   |               |  |
| 2.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm.            |   |               |  |
| 2.3. Kết cấu logic của khái niệm.                      |   |               |  |
| 2.4. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm. |   |               |  |
| 2.5. Các loại khái niệm.                               |   |               |  |
| 2.6. Quan hệ giữa các khái niệm.                       |   |               |  |
| 2.7. Các phép logic xử lý khái niệm.                   |   |               |  |
| <b>Chương 3 PHÁN ĐOÁN</b>                              | 5 | 4.1; 4.2; 4.3 |  |
| 3.1. Phán đoán là gì?                                  |   |               |  |
| 3.2. Phán đoán và câu.                                 |   |               |  |
| 3.3. Phân loại phán đoán                               |   |               |  |
| <b>Chương 4 SUY LUẬN</b>                               | 8 | 4.1; 4.2; 4.3 |  |
| 4.1 Suy luận là gì ?                                   |   |               |  |
| 4.2 Kết cấu logic của suy luận.                        |   |               |  |
| 4.3 Phân loại suy luận.                                |   |               |  |
| <b>Chương 5. Giả thuyết, chứng minh và bác bỏ</b>      | 4 | 4.1; 4.2; 4.3 |  |
| 5.1 Giả thuyết.  |   |               |  |
| 5.2 Chứng minh   |   |               |  |
| 5.3 Bác bỏ   |   |               |  |
| <b>Chương 6. Các quy luật cơ bản của tư duy</b>        | 3 | 4.1; 4.2; 4.3 |  |
| 6.1. Quy luật đồng nhất.                               |   |               |  |
| 6.2. Quy luật phi mâu thuẫn.                           |   |               |  |
| 6.3. Quy luật gạt bỏ cái thứ ba.                       |   |               |  |
| 6.4. Quy luật lý do đầy đủ.                            |   |               |  |

## 7. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp chủ yếu là giảng viên thuyết trình kết hợp với thảo luận nhóm, báo cáo cá nhân.

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Chủ động nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo
- Tham gia tích cực trong các tình huống đặc ra và chủ động đưa ra chính kiến
- Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần | Quy định                               | Trọng số | Mục tiêu      |
|----|-----------------|--|----------|---------------|
| 1  | Điểm chuyên cần | Số tiết tham dự học 26/tổng số tiết 30 | 10%      | 4.1; 4.2; 4.3 |

|   |                            |  |     |               |
|---|----------------------------|--|-----|---------------|
| 2 | Điểm bài tập nhóm          | Chủ động tham gia đóng góp vào bài học và bài báo cáo nhóm | 10% | 4.1; 4.2; 4.3 |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ      | - Thi viết/trắc nghiệm                                     | 20% | 4.1; 4.2; 4.3 |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết/vấn đáp/trắc nghiệm (60 phút)                   | 60% | 4.1; 4.2; 4.3 |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 10. Tài liệu học tập:

| Thông tin về tài liệu  | Số đăng ký cá biệt       |
|--|--------------------------|
| [1] C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I Lênin, <i>Bản về logic biện chứng</i> , Nxb. Thông tin lý luận, 1985. |                          |
| [2] Hoàng Chung, <i>Logic học phổ thông</i> , Nxb. Giáo dục, 1994.                                 |                          |
| [3] Vương Tất Đạt, <i>Logic học đại cương</i> , Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2008.                | 160 / Đ110<br>MOL.078943 |
| [4] Lê Ngọc Triết, <i>Giáo trình logic học đại cương</i> . Trường Đại học Cần Thơ, 2005            | 160 / Tr308<br>MOL000937 |
| [5] Nguyễn Như Hải, <i>Giáo trình logic học đại cương</i> , Nxb. Đại học Sư phạm, 2013             | 160 / H103<br>MOL.072734 |
| [6] Phạm Đình Nghiệm, <i>Nhập môn logic học</i> , Nxb. ĐHQG TP. HCM                                |                          |

## 11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

| Tuần   | Nội dung   | Lý thuyết (tiết) | Thực hành (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                             |
|--------|--|------------------|------------------|--|
| 1<br>2 | <b>Chương 1: Đối tượng, lịch sử phát triển và ý nghĩa của logic học</b><br>1.1. Thuật ngữ Logic.<br>1.2. Logic học là gì ?<br>1.3. Đối tượng nghiên cứu của Logic học.<br>1.4. Logic hình thức và Logic biện chứng.<br>1.5. Lịch sử phát triển của Logic học.<br>1.6. Ý nghĩa của việc | 3                | 0                | -Nghiên cứu trước:<br>[1], [2], [3], [4], [5], [6] |

|                          |   |   |   |  |
|--------------------------|---|---|---|--|
|                          | nghiên cứu Logic học.   |   |   |  |
| 2<br>3<br>4<br>5         | <b>Chương 2: Khái niệm</b><br>2.1. Khái niệm là gì?<br>2.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm.<br>2.3. Kết cấu logic của khái niệm.<br>2.4. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm.<br>2.5. Các loại khái niệm.<br>2.6. Quan hệ giữa các khái niệm.<br>2.7. Các phép logic xử lý khái niệm. | 7 | 0 | -Nghiên cứu trước:<br><br>[1], [2], [3], [4], [5], [6] |
| 6<br>7<br>8              | <b>Chương 3: Phán đoán</b><br>3.1. Phán đoán là gì?<br>3.2. Phán đoán và câu.<br>3.3. Phân loại phán đoán   | 5 | 0 | -Nghiên cứu trước:<br><br>[1], [2], [3], [4], [5], [6] |
| 8<br>9<br>10<br>11<br>12 | <b>Chương 4: Suy Luận</b><br>4.1 Suy luận là gì ?<br>4.2 Kết cấu logic của suy luận.<br>4.3 Phân loại suy luận.   | 8 | 0 | -Nghiên cứu trước:<br><br>[1], [2], [3], [4], [5], [6] |
| 12<br>13<br>14           | <b>Chương 5. Giả thuyết, chứng minh và bác bỏ</b><br>5.1 Giả thuyết.<br>5.2 Chứng minh<br>5.3 Bác bỏ  | 4 | 0 | -Nghiên cứu trước:<br><br>[1], [2], [3], [4], [5], [6] |
| 14<br>15                 | <b>Chương 6 . Các quy luật cơ bản của tư duy</b><br>6.1. Quy luật đồng nhất.<br>6.2. Quy luật phi mâu thuẫn.<br>6.3. Quy luật gạt bỏ cái thứ ba.<br>6.4. Quy luật lý do đầy đủ.   | 3 |   | -Nghiên cứu trước:<br><br>[1], [2], [3], [4], [5], [6] |

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2014

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG KHOA KHOA HỌC CHÍNH TRỊ**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

